TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 168/2017/HSST
Ngày 20 tháng 12 năm 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Cao Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tô Thị Lành - Cán bộ hưu trí phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai và bà Trần Thị Lê Na - Phó chủ tịch Hội nông dân phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Thủy Sơn Phương - Cán bộ Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đăng Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 156/2017/HSST ngày 08 tháng 11 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Đình N** (tên gọi khác: R); sinh năm 1991 tại Gia Lai; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ dân phố 6, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; con ông Nguyễn Xuân H (đã chết) và bà Nguyễn Thị L; bị cáo chưa có vợ và con; tiền án: Không; tiền sự: 1; bị cáo bị tạm giữ ngày 14-8-2017; hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P. Có mặt.

2. **Nguyễn Quốc C** (tên gọi khác: B); sinh năm 1993 tại Gia Lai; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: Hẻm 80 đường P, tổ 14, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; con ông Nguyễn Ngọc B và bà Đỗ Thị L; bị cáo chưa có vợ và con; bị cáo có 1 tiền án: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 144/2012/HSST ngày 05-11-2012, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xử phạt Nguyễn Quốc C 7 năm tù về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*"; tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ ngày 14-8-2017; hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P. Có mặt.

Người bị hại: Chị Lê Thị Hồng N, sinh năm 1998; địa chỉ: 36B đường V, tổ 8, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1967; địa chỉ: 240 đường W, tổ dân phố 6, thị

trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Anh Nguyễn Phi H, sinh năm 1994; địa chỉ: 238 đường Wừu, tổ dân phố 6, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Ông Bùi Văn K, sinh năm 1950; địa chỉ: 65 đường P, tổ dân phố 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Anh Phạm Thành Đ, sinh năm 1984; địa chỉ: 431 đường N, tổ dân phố 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 12-8-2017, Nguyễn Quốc C nhờ Tý (chưa rõ nhân thân, lai lịch) chở đến nhà của Nguyễn Đình N để rủ N đi mua ma túy sử dụng. Đến nơi, C đi vào nhà N, còn T đi đâu không rõ. Do không có tiền nên N rủ C đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền để mua ma túy sử dụng, C đồng ý. Sau đó, N điều khiển xe mô tô biển số 81C1-131.12 mà trước đó N đã mượn của Nguyễn Phi H chở C đến khu vực Trường Cao đẳng Sư phạm tỉnh Gia Lai, tìm phòng trọ nào sơ hở để vào trộm tài sản. Khi đi qua nhà trọ số 36B đường V, tổ 8, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai, N dừng xe lại và nói C đứng ở ngoài cảnh giới, còn N đi vào trong tìm tài sản để lấy trộm. N đi vào nhà trọ, rồi lên tầng 2 thì thấy phòng A7 do chị Lê Thị Hồng N thuê, không đóng cửa, trên bàn học gần cửa chính có để 1 chiếc điện thoại di động Iphone 6S, màu trắng hồng (trong ốp lưng của điện thoại có để 55.000 đồng) của chị N. Thấy không có người trông coi nên N vào lấy chiếc điện thoại này cất giấu vào trong túi quần bên trái, rồi đi xuống điều khiển xe mô tô chở C về thị trấn Đ. Trên đường đi, N nói cho C biết là đã lấy trộm được 1 chiếc điện thoại di động. Khi đến đầu đoạn đường hai chiều đi vào thị trấn Đ, N nói C xuống xe đứng đợi, còn N điều khiển xe mô tô đi đến tiệm điện thoại di động T số 431 đường N, tổ dân phố 2, thị trấn Đ, cầm cố chiếc điện thoại trên cho anh Phạm Thành Đ với giá 600.000 đồng. Sau đó, N ra chở C đến khu vực ngã tư giữa đường N với đường L, thành phố P, gặp 1 người phụ nữ (chưa rõ nhân thân, lai lịch) mua 1 gói ma túy với giá 600.000 đồng, rồi cả hai cùng nhau sử dụng. Đến khoảng 16 giờ ngày 14-8-2017, do không có tiền mua ma túy sử dụng nên N tiếp tục chở C đến nhà trọ tại số 36B đường V để trộm cắp tài sản thì bị người dân nghi ngờ nên giữ lại và báo Công an phường I đến làm việc. Tại Công an phường I, N và C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã thu giữ của N 1 xe mô tô biển số 81C1-131.12 và thu giữ tại tiệm điện thoại di động T 1 chiếc điện thoại di động Iphone 6S mà Nguyễn Đình N và Nguyễn Quốc C đã chiếm đoạt của chị Lê Thị Hồng N và đã cầm cố cho anh Phạm Thành Đ.

Tại Kết luận về việc định giá tài sản số 177/KL-HĐĐG ngày 15-8-2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố P, kết luận: *"1 điện*

thoại di động hiệu Iphone 6S, màu trắng hồng, số Imei 181061, mua vào ngày 10-5-2017, sử dụng đến ngày 12-8-2017 bị chiếm đoạt, có giá trị là 6.000.000 đồng".

Tại bản cáo trạng số 159/CTr-VKS ngày 07-11-2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã truy tố các bị cáo Nguyễn Đình N và Nguyễn Quốc C về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; Điều 33; Điều 45; các điểm g, p khoản 1 Điều 46 và Điều 53 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Đình N mức án từ 15 tháng đến 18 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; Điều 33; Điều 45; các điểm g, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 và Điều 53 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc C mức án từ 15 tháng đến 18 tháng tù.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY:

Tại phiên toà, các bị cáo khai nhận về hành vi phạm tội của mình như sau:

Khoảng 14 giờ 30 phút, ngày 12-8-2017, tại phòng trọ A7 của nhà trọ số 36B đường V, tổ 08, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai, Nguyễn Đình N và Nguyễn Quốc C đã thực hiện hành vi trộm cắp 1 chiếc điện thoại di động Iphone 6S có giá trị là 6.000.000 đồng và 55.000 đồng của chị Lê Thị Hồng N. Đến khoảng 16 giờ ngày 14-8-2017, khi N và C đến nhà trọ số 36B đường V để tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản thì bị phát hiện và bắt giữ.

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an xã hội, các bị cáo biết rõ hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vì muốn kiếm tiền một cách bất chính nên đã cố tình chiếm đoạt tài sản của bị hại. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku quyết định truy tố ra trước Tòa án để xét xử đối với các bị cáo về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình với một hình phạt tương xứng.

Các bị cáo thực hiện tội phạm dưới hình thức đồng phạm giản đơn. Trong đó: Nguyễn Đình N là người khởi xướng và trực tiếp thực hiện tội phạm, còn Nguyễn Quốc C đồng phạm với vai trò là người giúp sức.

Khi lượng hình, Hội đồng xét xử xét:

Bị cáo Nguyễn Đình N có nhân thân xấu. Bị cáo Nguyễn Quốc C đã bị kết án, chưa được xóa án tích lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, vì vậy bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "*tái phạm*" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự.

Tuy nhiên, trong quá trình tham gia tố tụng, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, sau khi phạm tội đã ra đầu thú, bị cáo Nguyễn Đình N đã tác động gia đình trả 600.000 đồng cho anh Phạm Thành Đ. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng quy định tại các điểm g, p khoản 1 Điều 46 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Về dân sự: Quá trình tham gia tố tụng, người bị hại là chị Lê Thị Hồng N đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và không yêu cầu về việc bồi thường thiệt hại. Do vậy, Hội đồng xét xử không giải quyết về vấn đề này.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 81C1-131.12, qua điều tra xác định: Chiếc xe này là tài sản của anh Nguyễn Phi H, việc Nguyễn Đình N sử dụng chiếc xe này làm phương tiện đi thực hiện hành vi phạm tội, anh Nguyễn Phi H không biết. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã trả lại chiếc xe này cho anh Nguyễn Phi H là có căn cứ.

Đối với anh Phạm Thành Đ là người đã nhận cầm cố chiếc điện thoại di động Iphone 6S do các bị cáo trộm cắp mà có. Tuy nhiên, khi nhận cầm cố, anh Đ không biết đó là chiếc điện thoại do phạm tội mà có. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với anh Đ về hành vi chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có là có căn cứ.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Nguyễn Đình N và Nguyễn Quốc C, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã ra Quyết định xử phạt hành chính đối với N và C bằng hình thức cảnh cáo là đúng quy định của pháp luật.

Đối với đối tượng phụ nữ, là người mà các bị cáo khai đã bán ma túy cho các bị cáo để sử dụng, quá trình điều tra do các bị cáo không biết rõ họ tên, địa chỉ của đối tượng trên nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P chưa có căn cứ để điều tra, xử lý. Hiện Cơ quan điều tra đang tiếp tục xác minh, khi nào xác định được đối tượng phụ nữ nêu trên, sẽ xem xét và xử lý sau.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đình N và Nguyễn Quốc C phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Áp dụng khoản 1 Điều 138; Điều 33; Điều 45; các điểm g, p khoản 1 Điều

46; khoản 2 Điều 46 và Điều 53 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình N 12 (*mười hai*) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 14-8-2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; Điều 33; Điều 45; các điểm g, p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 và Điều 53 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc C 12 (*mười hai*) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 14-8-2017.

2. Căn cứ Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2014/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo Nguyễn Đình N và Nguyễn Quốc C, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, bà Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Phi H có quyền kháng cáo yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Đối với chị Lê Thị Hồng N, ông Bùi Văn K và anh Phạm Thành Đ vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Công an thành phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
- Sở tư pháp tỉnh Gia Lai;
- UBND thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai;
- UBND phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Cao Thị Thanh Huyền